TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2020/DS–ST
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST–DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST–DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị P, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cư trú tại: Tổ 9, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; vắng mặt.

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1959; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 11, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phan Thị P trình bày:

Do ở địa phương ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T thường vay tiền của người khác với lãi suất thấp rồi cho vay lại lấy tiền lãi chênh lệch, đồng thời có làm chủ hụi nhiều năm, có uy tín tại địa phương nên khi vợ ông L, bà T vay tiền thì chị đồng ý cho vay, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 16/7/2019 dương lịch (nhằm ngày 14/6/2019 âm lịch) ông L, bà T vay 200.000.000 đồng; thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng và thời gian trả nợ gốc là 03 tháng. Ông L và bà T có trả tiền lãi 06 tháng (từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2020) với số tiền 36.000.000 đồng, tiền gốc chưa trả;

- Lần thứ hai: Ngày 02/12/2019 dương lịch (nhằm ngày 07/11/2019 âm lịch), ông L, bà T vay 100.000.000 đồng; thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng và thời gian trả tiền là 01 tháng. Ông L, bà T có tiền lãi được 01 tháng với số tiền là 3.000.000 đồng, tiền gốc chưa trả;

- Lần thứ ba: Ngày 16/02/2020 dương lịch (nhằm ngày 23/01/2020 âm lịch), ông L, bà T vay 100.000.000 đồng; thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng và có thỏa thuận trong giấy biên nhận thời gian trả tiền gốc là 01 tháng, tuy nhiên đến nay ông L, bà T chưa trả tiền lãi và tiền gốc.

Tổng cộng số tiền ông L, bà T vay của chị là 400.000.000 đồng, mục đích vay tiền để làm ăn. Khi vay tiền, ông L, bà T có viết và ký giấy nhận nợ với chị. Khi đến thời hạn trả nợ chị có yêu cầu ông L, bà T trả tiền nhưng ông L, bà T xin gia hạn và có trả tiền lãi đầy đủ nên chị tin tưởng và tiếp tục cho vay tiền các lần tiếp theo. Nguồn tiền chị cho ông L, bà T vay do chị tích lũy mà có.

Chị yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn L có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày ký các giấy mượn tiền cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền lãi đã nhận 39.000.000 đồng, chị đồng ý khấu trừ vào tiền nợ gốc nếu có vượt quá quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T nhưng ông L, bà T cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phan Thị P: Có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ

án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân và người tham gia tố tụng (nguyên đơn chị Phan Thị P) đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị P số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị P là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt; ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P, ông L, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị P yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T hoàn trả số tiền nợ vay gốc 400.000.000 đồng, thấy rằng: Chị Phan Thị P cung cấp 03 (ba) bản gốc *"Giấy mượn tiền"* gồm: Ngày 14/6/2019 vay 200.000.000 đồng, ngày 07/11/2019 vay 100.000.000 đồng và ngày 23/01/2020 vay 100.000.000 đồng, có chữ ký người mượn là ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T, tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị P nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối về các chứng cứ do chị P cung cấp. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện sau khi vay tiền của chị P, khoảng tháng 02/2020 ông L, bà T đã bỏ địa phương đi, không xác định được địa chỉ nơi cư trú hiện nay, việc ông L, bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ mà không thông báo cho chị P biết về nơi cư trú mới, thể hiện việc ông L, bà T cố tình giấu địa chỉ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định*"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ...thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

Căn cứ 03 (ba) giấy mượn tiền do chị P cung cấp nêu trên thể hiện nội dung *"...Tôi tên Nguyễn Thị T cùng chồng Đỗ Văn L ngụ: Tổ 13, ấp T, B, TB, TN có mượn của chị Phan Thị P một số tiền là ..., bằng chữ ..."*, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T với chị Phan Thị P là có thật và có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, buộc ông L và bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị P số tiền vay gốc 400.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Chị P cho rằng khi ký 03 giấy mượn tiền nêu trên giữa chị và ông L, bà T có thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng (tức 36%/năm) và thời gian trả tiền là 01 tháng, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, chị P thừa nhận trong thời gian vay tiền, ông L và bà T có trả tiền lãi cho chị đến tháng 02/2020 được 39.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị P và ông L, bà T là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, do bị đơn vắng mặt không có ý kiến về lãi suất nên đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Chị P yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày ký các giấy mượn tiền cho đến khi giải quyết xong vụ án và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận nếu có vượt quá quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Khoản vay thứ 1: Ngày 16/7/2019 dương lịch (nhằm ngày 14/6/2019 âm lịch) đến ngày 28/9/2020, số tiền gốc 200.000.000 đồng là: 14 tháng 12 ngày x 0,83%/tháng x 200.000.000 đồng = **23.904.000 đồng**;

- Khoản vay thứ 2: Ngày 02/12/2019 dương lịch (nhằm ngày 07/11/2019 âm lịch) đến ngày 28/9/2020, số tiền gốc 100.000.000 đồng là: 09 tháng 26 ngày x 0,83%/tháng x 100.000.000 đồng = **8.189.000 đồng**;

- Khoản vay thứ 3: Ngày 16/02/2020 dương lịch (nhằm ngày 23/01/2020 âm lịch), đến ngày 28/9/2020, số tiền gốc 100.000.000 đồng là: 07 tháng 12 ngày x 0,83%/tháng x 100.000.000 đồng = **6.142.000 đồng**;

Như vậy, ông L bà T phải hoàn trả cho chị P số tiền nợ vay gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 38.235.000 đồng, tổng cộng 438.235.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi chị P đã nhận của ông L bà T là 39.000.000 đồng, còn lại 399.235.000 đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị P, buộc bị đơn ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị P số tiền tổng cộng là 184.449.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 399.235.000 đồng x 5% = 19.961.750 đồng (làm tròn 19.962.000 đồng) theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị P đối với ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị P số tiền 399.235.000 (ba trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (0,83%/tháng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.962.000 (mười chín triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Chị Phan Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phan Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 (mười triệu) đồng theo biên lai thu số 0004011 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thị P, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Thúy